

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM - ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông PH Văn Thông;
2. Ông Văn Tiến Vững;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Tạ Việt H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST - KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L - B - Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn P; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh V.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Ngọc T; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch B - Ngân hàng N - Chi nhánh V (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Thế H, sinh năm 1967 và bà Trần Thị X, sinh năm 1965 (vợ ông H).

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Ngọc T trình bày:

Ngày 06/3/2020, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V, Phòng Giao dịch B xác lập Hợp đồng tín dụng số: 2806 -LAV-202000447 với bị đơn ông Trần Thế H. Số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Tại hợp đồng tín dụng được xác lập giữa các bên còn thể hiện thời hạn vay, mức lãi suất... Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông H và bà Trần Thị X đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 292,2m² tại thửa số 278, tờ bản đồ số 11 thuộc thôn P, xã Việt X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/2013 đứng tên ông Trần Thế H cùn tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng; công trình phụ. Việc thế chấp tài sản để đảm bảo việc vay vốn của ngân hàng thì các bên đã xác lập hợp đôn thế chấp theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông H, bà X chỉ thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ngân hàng đến hết năm 2020. Từ năm 2021 ông H, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã được xác lập giữa các bên.

Tính đến ngày 24/7/2023 ông Trần Thế H và bà Trần Thị X còn nợ Ngân hàng N số tiền 902.167.809 đồng, trong đó tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 202.167.809 đồng (trong đó lãi trong hạn là 146.117.809đồng, lãi quá hạn là 56.050.000đồng).

Ngân hàng đã đôn đốc yêu cầu ông H, bà X thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nhưng không có kết quả.

Nay để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông Trần Thế H, bà Trần Thị X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng toàn bộ số tiền 902.167.809 đồng, trong đó tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 202.167.809 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/7/2023). Ông H và bà X còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền dư nợ gốc phải trả kể từ ngày 25/7/2023 với mức lãi suất 14,25%/năm.

Trường hợp ông H, bà X không trả được cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã được xác lập giữa các bên thì ngân hàng đề nghị xử lý tài sản bảo đảm của ông H và bà X theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định quyền sử dụng đất hiện ông H và bà X đang quản lý, sử dụng có diện tích 370m². Lớn hơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp mang tên Ông Trần Thế H là 77,1m². Ngân hàng chỉ đề nghị xử lý tài sản thế chấp đối với diện tích đất

292,9m² tại thửa đất số 278, tờ bản đồ số 11, tại thôn P, xã Việt X, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phú có diện tích 292,9m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp ngày 06/5/2013 đứng tên Ông Trần Thế H. Đối với diện tích đất lớn hơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 77,1m² ông H và bà X đang quản lý sử dụng ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì. Ngân hàng chịu toàn bộ hậu quả pháp lý về việc đề nghị thi hành án, hậu quả việc khó khăn khi thi hành án.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì đề nghị buộc ông H và bà X tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán xong bằng các khoản thu nhập, tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông H và bà X.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N tự nguyện chịu toàn bộ.

Bị đơn, ông Trần Thế H và bà Trần Thị X tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện: Bà X đã có văn bản ủy quyền cho ông Trần Thế H đại diện xác lập, thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng N. Ông H là người trực tiếp xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N. Số tiền vay, các điều khoản khác được quy định trong hợp đồng tín dụng thì ông H không có ý kiến gì.

Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng ông H, bà X đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 292,9m² tại thửa đất số 278, tờ bản đồ số 11, diện tích 292,9m² tại thôn P, xã Việt X, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/2013 mang tên Ông Trần Thế H cùng tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng; công trình phụ.

Tuy nhiên việc ông H và bà X xác lập hợp đồng tín dụng là để vay tiền cho con gái của ông H và bà X là chị Trần Thị Hiền, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Việt Hưng, xã Việt X, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Bản thân ông H và bà X không sử dụng số tiền đã được ngân hàng giải ngân theo hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H và bà X trả toàn bộ số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng ông H và bà X đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho ông H và bà X được trả nợ dần cho ngân hàng.

Trường hợp không thể thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì việc ngân hàng đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng thì ông H và bà X không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án. Tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về kiến nghị vi phạm: Không kiến nghị gì.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 280, 293, 294, 295, 299, 323, 325, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP – TANDTC: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông H, bà X phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/7/2023 là 202.167.809 đồng (trong đó lãi trong hạn là 146.117.809 đồng, lãi quá hạn là 56.050.000 đồng). Ông H và bà X còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc phải trả kể từ ngày 25/7/2023 với mức 14,25%/năm cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông H, bà X không trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng thửa đất số 278, tờ bản đồ số 11, diện tích 292,9 m² tại thôn P, xã Việt X, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc được UBND huyện Vĩnh Tường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/2013 đứng tên ông Trần Thế H; trên đất có 01 nhà 02 tầng và công trình phụ. Phần tài sản thế chấp và công trình xây dựng trên đất được xử lý nằm trong diện tích 292,9m².

Về chi phí tố tụng: Do Ngân hàng N tự nguyện chịu toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Trần Thế H và bà Trần Thị X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Trần Thế H và bà Trần Thị X phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã được xác lập, tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án ông

H, bà X đều có hộ khẩu thường trú tại xã Việt X, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Đối với nguyên đơn và bị đơn (ông Trần Thế H) đều thuộc trường hợp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Thế H và bà Trần Thị X đã được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Ngân hàng N và ông Trần Thế H đã xác lập hợp đồng tín dụng số: 2806 – LAV - 202000447 ngày 06/3/2020. Ngân hàng N là một tổ chức tín dụng. Do vậy pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án này là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng N thấy rằng: Các đương sự đều thừa nhận ngày 06/3/2020 Ngân hàng N và ông Trần Thế H (bà Trần Thị X đã có văn bản ủy quyền cho ông H) xác lập hợp đồng tín dụng số: 2806 – LAV – 202000447. Số tiền gốc được giải ngân theo hợp đồng tín dụng là 700.000.000 đồng, hợp đồng còn có các điều khoản chi tiết về thời hạn vay, mức lãi suất...

Quá trình chuẩn bị xét xử ông H và bà X đều không có ý kiến gì về tính hợp pháp của hợp pháp của hợp đồng tín dụng. Ông H và bà X không có ý kiến, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng tín dụng được xác lập ngày 06/3/2020 là vô hiệu một phần; vô hiệu toàn bộ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã được các đương sự xác lập ngày 06/3/2020 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng N theo quy định của pháp luật.

Ông H cho rằng toàn bộ số tiền được giải ngân theo hợp đồng tín dụng ngày 06/3/2020 thì con gái ông là chị Trần Thị Hiền, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Việt Hưng, xã Việt X, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc là người sử dụng, ông H và bà X không sử dụng. Nhưng thực tế toàn bộ chứng từ giải ngân thì đều xác định người được giải ngân là ông H.

Do ông H và bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 06/3/2020 nên việc Ngân hàng N khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông H và

bà X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ, hợp pháp, phù hợp quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Mức lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng ngày 06/3/2023 là 9,5%, từ ngày 15/7/2021 đến ngày 08/11/2021 và từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/01/2022 mức lãi suất được điều chỉnh là 8,55%, từ ngày 01/01/2022 cho đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án mức lãi suất được điều chỉnh trở lại 9,5% (việc điều chỉnh mức lãi suất là theo yêu cầu của Chính phủ). Mức lãi suất như trên là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ để xác định số tiền lãi ông H và bà X phải trả cho nguyên đơn, Ngân hàng N theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 24/7/2023 ông Trần Thế H và bà Trần Thị X còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/7/2023 là 202.167.809 đồng (trong đó lãi trong hạn là 146.117.809 đồng, lãi quá hạn là 56.050.000 đồng).

Việc Ngân hàng N đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H và bà X còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc phải trả kể từ ngày 25/7/2023 với mức 14,25%/năm cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp, đúng quy định của pháp luật; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 16 ngày 24/4/2014, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 02/PLHĐTC ngày 12/7/2016 thấy rằng: Ông Trần Thế H và bà Trần Thị X thế chấp quyền sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Trần Thế H. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Tường và có đăng ký thế chấp ngày 24/4/2014 tại Văn phòng đăng ký đất đai Vĩnh Phúc - Chi nhánh huyện Vĩnh Tường.

Đối với quyền sử dụng đất 292,9m² tại thửa đất số 278, tờ bản đồ số 11, diện tích 292,9m² tại thôn P, xã Việt X, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cùng tài sản trên đất gồm 01 nhà xây 02 tầng và công trình phụ. Toàn bộ tài sản thế chấp đều có trước thời điểm thế chấp, khi thế chấp ông H, bà X đều tự nguyện. Do vậy, Hợp đồng thế chấp không thuộc trường hợp bị vô hiệu toàn bộ hoặc một phần theo quy định của pháp luật. Ông H và bà X đều không có ý kiến gì về tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp.

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định ngày ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường thì thửa đất hiện ông H, bà X đang quản lý, sử dụng là thửa số 278, tờ bản đồ 11 tại thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quyền sử dụng đất thực tế có diện tích 370m², lớn hơn diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên Ông Trần Thế H là 77,1m². Các tài sản trên

đất gồm có 01 nhà xây 02 tầng, 01 bếp + công trình phụ liền với nhà 02 tầng, sân lát gạch đỏ phía trước nhà 02 tầng, 02 chuồng chăn nuôi (01 chuồng chăn nuôi xây gạch lợp ngói đã xuống cấp, 01 chuồng chăn nuôi lợp pò lô xi măng), tường bao loan, cây cối lâm lộ trên đất.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Việt X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xác định, lý do diện tích đất hiện ông H và bà X đang quản lý, sử dụng lớn hơn diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp mang tên ông H là do ông H đang sử dụng một phần đất nông nghiệp của cụ Lê Thị Sản (là mẹ đẻ ông H) và một phần đất của ông Trần Hữu Sỹ (hàng xóm của ông H). Tại biên bản làm việc với cụ Sản và ông Sỹ, cụ Sản và ông Sỹ đều xác định mình không có yêu cầu gì trong vụ án.

Nguyên đơn, Ngân hàng N chỉ yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số dụng thửa đất số 278, tờ bản đồ số 11, diện tích 292,9m² tại thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/2013 mang tên Ông Trần Thế H cùng tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông H, bà X. Việc nguyên đơn chỉ đề nghị Tòa án xem xét, phát mại tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp mang tên Ông Trần Thế H là tự nguyện. Hậu quả pháp lý, khó khăn, vướng mắc trong quá trình kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nguyên đơn, Ngân hàng N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trên diện tích đất 292,9m² có các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Trần Thế H, bà Trần Thị X là 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích 82,0m²; 01 phần nhà bếp diện tích 22,5m²; 01 nhà tắm + Vệ sinh diện tích 11,5m²; 01 sân gạch lát gạch đỏ diện tích 120m²; 02 phần chuồng chăn nuôi, một phần chuồng chăn nuôi thứ nhất diện tích 10,5m² và 01 phần chuồng chăn nuôi thứ hai diện tích 2,1m².

[4]. Về chi phí tố tụng: Do Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu ông H, bà X phải chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trần Thế H và bà Trần Thị X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 280, 293, 294, 295, 299, 323, 325, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Trần Thế H và bà Trần Thị X phải trả cho Ngân hàng N số tiền 902.167.809 đồng, trong đó tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/7/2023 là 202.167.809 đồng (trong đó lãi trong hạn là 146.117.809 đồng, lãi quá hạn là 56.050.000 đồng). Ông H và bà X còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền dư nợ gốc phải trả kể từ ngày 25/7/2023 với mức lãi suất 14,25%/năm.

2. Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Thế H và bà Trần Thị X không thực hiện được việc trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số: 16 ngày 24/4/2014, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 02/PLHĐTC ngày 12/7/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất diện tích 292,9m² tại thửa số 278, tờ bản đồ số 11 thuộc thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/2013 đứng tên Ông Trần Thế H và bà Trần Thị X, cùng các tài sản gắn liền trên đất (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán phát mại tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí cho việc bán tài sản, các khoản phải thu nộp cho nhà nước (nếu có) không đủ để trả hết nợ cho nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Trần Thế H và bà Trần Thị X, thì ông H và bà X có trách nhiệm tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Về án phí: Ông Trần Thế H và bà Trần Thị X phải chịu 39.065.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0005875 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Nguyễn Hồng Giang